

Bản án số: 136/2019/DS-ST

Ngày: 25- 11 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hữu Cải;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số: 151/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 13, ấp Thạnh Ph, xã Thạnh B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961 và ông Phạm Văn L, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 8, ấp Thạnh H, xã Thạnh Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (bà X có mặt, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày: Ngày 08/3/2018, vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X có vay của bà số tiền 80.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Các bên có làm giấy tay do bà X ký tên và điểm chỉ ở mục người mượn tiền. Vợ chồng bà X, ông L không thể chấp tài sản gì. Kể từ ngày vay cho đến nay vợ chồng bà X, ông L chưa trả được số tiền gốc và

lãi nào. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và số tiền lãi 15.200.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 95.200.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền của bà Lê Thị Th số tiền 80.000.000 đồng ngày 08/3/2018, do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà chưa có tiền trả cho bà Th. Đối với giấy nợ do bà Th cung cấp có chữ ký và tên Nguyễn Thị X đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và số tiền lãi 15.200.000 đồng vợ chồng bà đồng ý trả cho bà Th.

Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày: Ông Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn L họp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng theo quy định về nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th. Buộc ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Th số tiền 95.200.000 đồng.

Ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Những kiến nghị: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn L đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Nội dung vụ kiện: Ngày 08/3/2018 vợ chồng ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X có vay của bà Lê Thị Th số tiền 80.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Sau khi vay tiền do làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông L, bà X chưa có tiền trả cho bà Th. Bà Nguyễn Thị X thừa nhận có vay số tiền 80.000.000 đồng của bà Lê Thị Th và đồng ý trả gốc

80.000.000 đồng và lãi 15.200.000 đồng cho bà Th. Như vậy có đủ căn cứ để xác định vợ chồng ông Phạm Văn L bà Nguyễn Thị X có vay của bà Lê Thị Th số tiền 80.000.000 đồng, do làm ăn thất bại nên bà X, ông L chưa có tiền trả cho bà Th. Đối với số tiền lãi 15.200.000 đồng được tính như sau $80.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 15.200.000 \text{ đồng}$ là phù hợp theo quy định về lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th nên bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn L là người già trên 60 tuổi được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th: Buộc ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Th số tiền nợ gốc 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và số tiền lãi 15.200.000 (mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 95.200.000 (chín mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày bà Lê Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn L là người già trên 60 tuổi được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị X phải chịu 2.380.000 (hai triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí sơ thẩm; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Lê Thị Th 2.380.000 (hai triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 0015911 ngày 02/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Th, bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hồ Văn Cường